

Bản án số: 51/2019/HS-PT

Ngày 31-12-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Hồ Thanh Sơn

Bà Nguyễn Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyền Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thúy Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyền Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 88/2019/TLPT-HS ngày 12 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Trần Văn V và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 111/2019/HS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyền Quang.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Văn V, sinh năm 1989 tại huyện S, tỉnh Tuyền Quang;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyền Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Cao Lan; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Văn C, sinh năm 1961 và bà: Lưu Thị T, sinh năm 1963; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không. Tạm giữ, tạm giam: Không

Hiện bị cáo đang tại ngoại (*Có mặt*).

2. Trần Văn T, sinh năm 1987 tại huyện S, tỉnh Tuyền Quang;

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Tuyền Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Cao Lan; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Văn T (đã chết) và bà: Hoàng Thị T, sinh năm 1943; Có vợ: Ninh Thị C, sinh năm 1992 và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không. Tạm giữ, tạm giam: Không

Hiện bị cáo đang tại ngoại (*Có mặt*).

3. Trần Văn Q, sinh năm 1990 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Cao Lan; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Văn L (đã chết) và bà: Lâm Thị L, sinh năm 1971; có vợ: Vương Thị T, sinh năm 1990 và 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 108/2015/HSST ngày 23/4/2015 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo Trần Văn Q 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong ngày 23/4/2016).

Tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện bị cáo đang tại ngoại (*Có mặt*).

- *Người bào chữa*: Ông Nguyễn Văn T – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang bào chữa cho bị cáo Trần Văn T. (*Có mặt*).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 11 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ, ngày 18/5/2019 các đối tượng Hoàng Văn T1, Trần Văn T2, Trần Văn T3, Trần Văn C, Bùi Xuân H, Sầm Văn N, Trần Văn V, Trần Văn Q, Tô Văn H1, Trần Văn T, Hầu Văn T4, Lý Văn K, Hầu Văn A, Trần Văn Đ cùng nhau đến đồi cây thuộc thôn P, xã P, huyện S để đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền. Khi đi Trần Văn T mang theo 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 con dao cán bằng gỗ, 01 đèn pin và cất 04 quân bạc bằng đóm một mặt đen một mặt trắng kích thước 1x1cm. Đến địa điểm đánh bạc, Hầu Văn A nhặt 01 vỏ bao tải có sẵn ở đó trải ra nền đất để mọi người cùng ngồi đánh bạc. Các đối tượng thống nhất mức sát phạt từ 50.000 đồng trở lên/người/ván. Trong quá trình đánh bạc Trần Văn T soi đèn pin cho các đối tượng đánh bạc và thu tiền hồ của một số người 50.000 đồng/người (T không nhớ thu của những ai và thu được bao nhiêu tiền). Khi đánh bạc Trần Văn Đ là người xóc cái, được khoảng 03 ván thì Đ hết tiền nên chuyển cho Hầu Văn A xóc cái, A xóc cái được khoảng 30 phút thì hết tiền nên A chuyển cho Trần Văn V xóc cái.

Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 01 giờ 20 phút ngày 19/5/2019, Tổ công tác của Cơ quan CSĐT Công an Sơn Dương bắt quả tang 06 đối tượng gồm: Hoàng Văn T1, Trần Văn T2, Trần Văn T3, Trần Văn C, Bùi Xuân H, Sầm Văn N; còn các đối tượng khác bỏ chạy.

Tang vật thu giữ gồm: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân đóm một mặt đen, một mặt trắng, 01 con dao cán gỗ dài 36cm, bản dao rộng 09 cm, 01 vỏ bao tải màu trắng, 01 túi vải màu hồng, đỏ, có dây đeo màu đen, 01 đèn pin loại đèn tích điện đội đầu. Tổng số tiền thu trên chiếu bạc và các đối tượng giao nộp là 25.550.000đ, Trong đó, số tiền thu trên chiếu bạc là 7.950.000đ. (Các đối tượng Trần Văn T2 tự giao nộp 200.000đ; Trần Văn V nộp 200.000đ; Trần Văn C nộp 1.200.000đ; Hoàng Văn T1 nộp 16.000.000đ và nộp 01 ví giả da, 03 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, Iphone 7 Plus và OPPO). Tổ công tác đã tiến hành chụp ảnh vị trí các đối tượng ngồi đánh bạc và ghi hình có âm thanh quá trình thu giữ tang vật.

Quá trình điều tra xác định số tiền đánh bạc của các đối tượng, cụ thể như sau:

- Trần Văn T tham gia đánh bạc có 650.000đ, thu tiền hồ của một số người, mỗi người 50.000đ. Tổng số tiền hồ thu được theo lời khai của các bị cáo khác là 150.000 đồng, số tiền này T đã dùng đánh bạc. Tổng số tiền dùng để đánh bạc của T là 800.000 đồng.

- Trần Văn V có 750.000đ mang từ nhà đi để đánh bạc, khi bị thua hết V vay của Hoàng Văn T1 3.000.000đ và đưa cho T 01 điện thoại Iphone Plus 7 làm tin, tự nguyện giao nộp 200.000đ. Tổng số tiền dùng để đánh bạc của V là 3.750.000đ.

- Trần Văn Đ tham gia đánh bạc có 3.000.000đ (vay của Hoàng Văn T1 và đưa cho T1 01 điện thoại OPPO để làm tin), nộp tiền hồ cho Trần Văn T 50.000đ. Tổng số tiền trực tiếp sử dụng vào việc đánh bạc là 2.950.000đ.

- Hoàng Văn T1 mang từ nhà đi 16.000.000đ, bỏ ra 500.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, khi bị bắt tự giác giao nộp 16.000.000đ. Trước khi đánh bạc, cho Đ vay 3.000.000đ và gửi 01 điện thoại di động không nhớ rõ nhãn hiệu. Trong khi đánh bạc cho A vay 1.000.000đ và giữ lại 01 điện thoại; cho V vay 3.000.000đ và giữ lại 01 điện thoại để cho các đối tượng đánh bạc. Tổng số tiền dùng để đánh bạc của T là 7.500.000đ.

- Trần Văn T2 tham gia đánh bạc 1.000.000đ, khi bị bắt còn 200.000đ tự giao nộp. Trần Văn T3 tham gia đánh bạc 2.700.000đ, khi bị bắt còn 2.500.000đ để trên mặt bao tải bị thu giữ.

- Trần Văn C tham gia đánh bạc 1.200.000đ, khi bị bắt thắng 500.000đ để trên chiếu bị thu giữ và tự giao nộp 1.200.000đ.

- Sầm Văn N tham gia đánh bạc 700.000đ, nộp 50.000 đồng tiền hồ cho đối tượng tên T4 (chưa rõ họ tên địa chỉ) khi bị bắt bị thua hết. Số tiền trực tiếp sử dụng vào việc đánh bạc là 650.000đ.

- Bùi Xuân H tham gia đánh bạc 500.000đ, khi bị bắt thua hết.

- Trần Văn Q tham gia đánh bạc 300.000đ bị thua hết, sau đó về nhà. Đến ngày 27/5/2019 Q đến Cơ quan điều tra và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

- Hầu Văn T4 tham gia đánh bạc 300.000đ, thắng bạc được 1.000.000đ và cho Trần Văn T2 vay, sau đó T trả lại T4 tiếp tục đánh bạc và bị thua hết tiền, khi lực lượng công an đến bỏ chạy đến ngày 28/5/2019 đến cơ quan điều tra và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

- Tô Văn H1 tham gia đánh bạc 400.000đ bị thua hết và bỏ chạy đến ngày 04/6/2019 đến Cơ quan điều tra khai nhận hành vi phạm tội của mình.

- Hầu Văn A tham gia đánh bạc 400.000đ bị thua hết, sau đó vay của Hoàng Văn T1 1.000.000đ và đưa cho T1 01 điện thoại Iphone 5 để làm tin, nộp tiền hồ cho Trần Văn T là 50.000đ. Tổng số tiền trực tiếp sử dụng để đánh bạc của A là 1.350.000đ.

- Lý Văn K tham gia đánh bạc có 200.000đ bị thua hết, khi lực lượng công an đến bắt, K bỏ chạy, đến ngày 09/6/2019 đến Cơ quan điều tra khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 16.600.000 đồng.(Mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2019/HS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn V, Trần Văn T, Trần Văn Q phạm tội “Đánh bạc” cùng các bị cáo khác.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn V 09 (chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt tù cho hưởng án treo, Cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo khác về tội “Đánh bạc” và quyết định xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, bị cáo Trần Văn V có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, bị cáo Trần Văn Q có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Sau khi kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật; đơn kháng cáo của các bị cáo hợp lệ trong hạn luật định; thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự tố tụng.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết liên quan đến vụ án trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đánh giá vai trò, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt các bị cáo Trần Văn V, Trần Văn T mỗi bị cáo 09 tháng tù; bị cáo Trần Văn Q 06 tháng tù, về tội Đánh bạc là đúng người, đúng tội, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm các bị cáo Trần Văn V, Trần Văn T, Trần Văn Q xuất trình tiết mới là: Biên lai thu tiền, mỗi bị cáo đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và Đơn đề nghị xin hưởng án treo, cải tạo tại địa phương (có xác nhận của chính quyền địa phương). Do vậy cần xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy tại cấp phúc thẩm phát sinh tình tiết mới, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giữ nguyên mức án cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn V, Trần Văn T, Trần Văn Q, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 111/2019/HS-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về phần hình phạt đối với các bị cáo sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 tháng tù; bị cáo Trần Văn V 09 tháng tù. Cho các bị cáo hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 06 tháng tù, cho hưởng án treo.

Đề nghị ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo và giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gia thử thách.

- Ghi nhận các bị cáo Trần Văn V, Trần Văn T, Trần Văn Q mỗi bị cáo đã nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T trình bày quan điểm bào chữa: Bị cáo T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân tốt, thật thà khai báo ăn năn hối cải; là dân tộc thiểu số, trình độ không biết chữ, hiểu biết pháp luật hạn chế; gia đình hoàn cảnh khó khăn, hộ gia đình cận nghèo. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo nhất trí như đề nghị của Viện kiểm sát, của trợ giúp viên pháp lý, không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Do vậy, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 23 giờ ngày 18/5/2019 đến 01 giờ 20 phút ngày 19/5/2019, tại khu vực đồi cây thuộc thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang các đối tượng gồm: Hoàng Văn T1; Trần Văn T2 (Trần Đức T2); Trần Văn T3; Trần Văn C; Bùi Xuân H; Sầm Văn N; Trần Văn V; Trần Văn Q; Trần Văn T; Hầu Văn T4; Tô Văn H1; Hầu Văn A; Trần Văn Đ; Lý Văn K đã thực hiện hành vi Đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền từ 50.000 đồng trở lên/người/ván.

Trong đó: Trần Văn V sử dụng 3.750.000đ; Trần Văn Đ sử dụng 2.950.000đ; Trần Văn T3 sử dụng 2.700.000đ; Hầu Văn A sử dụng 1.350.000đ; Trần Văn C sử

dụng 1.200.000đ; Trần Văn T2 sử dụng 1.000.000đ; Trần Văn T sử dụng 800.000đ; Sầm Văn N sử dụng 650.000đ; Bùi Xuân H đều sử dụng 500.000đ; Tô Văn H1 sử dụng 400.000đ; Hầu Văn T4 sử dụng 300.000đ; Trần Văn Q sử dụng 300.000đ; Lý Văn K sử dụng 200.000đ; Hoàng Văn T1 sử dụng 500.000đ để đánh bạc và cho Đ vay 3.000.000đ, cho A vay 1.000.000đ, cho V vay 3.000.000đ để sử dụng vào việc đánh bạc. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 16.600.000đ (*Mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng*).

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và nội dung kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự, an toàn công cộng và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ xử phạt các bị cáo V, T, Q về tội Đánh bạc là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật; phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo.

[4] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Văn V, xuất trình Biên lai nộp tiền án phí 200.000đ và văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S cho bị cáo cải tạo tại địa phương. Trần Văn T, xuất trình Biên lai nộp tiền án phí 200.000đ và văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P cho bị cáo cải tạo tại địa phương. Trần Văn Q, xuất trình Biên lai nộp tiền án phí 200.000đ và văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P cho bị cáo cải tạo tại địa phương, do vậy cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đây là tình tiết mới thể hiện sự ăn năn hối cải của các bị cáo. Xét các bị cáo Trần Văn V, Trần Văn T, tuy thực hiện hành vi phạm tội có phần tích cực, nhưng các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền sử dụng không nhiều (Ít hơn số tiền mà bị cáo Hoàng Văn T1 sử dụng vào việc đánh bạc, cho các bị cáo khác vay tiền để sử dụng vào việc đánh bạc), cả hai bị cáo đều là dân tộc thiểu số Cao Lan, có trình độ văn hóa thấp (V học hết lớp 2/12, T không biết chữ, không học lớp nào), nhận thức pháp luật hạn chế; gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thuộc đối tượng hộ cận nghèo... Đối với bị cáo Trần Văn Q là người có nhân thân xấu, đã 01 lần bị kết án 06 tháng tù cho hưởng án treo năm 2015 về tội Trộm cắp tài sản, đến năm 2017 đã được xóa án tích; bị cáo là dân tộc thiểu số Cao Lan, có hoàn cảnh khó khăn, số tiền sử dụng đánh bạc 300.000đ. Các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do vậy, không cần thiết cách ly các bị cáo ngoài xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung tại địa phương. Chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt tù, cho các bị cáo được hưởng án treo, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 65 Bộ luật

hình sự, như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Ghi nhận các bị cáo đã nộp khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Các bị cáo Trần Văn V, Trần Văn T, Trần Văn Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn V, Trần Văn T, Trần Văn Q, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 111/2019/HS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, điểm i khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng; hạn thử thách tính từ ngày tuyên án hình sự phúc thẩm(31/12/2019).

Xử phạt bị cáo Trần Văn V 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng; hạn thử thách tính từ ngày tuyên án hình sự phúc thẩm(31/12/2019).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 01 (một) năm; hạn thử thách tính từ ngày tuyên án hình sự phúc thẩm(31/12/2019).

Giao bị cáo Trần Văn V cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo. Giao bị cáo Trần Văn T và Trần Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

(Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp

thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt tù của bản án mới theo quy định).

Ghi nhận bị cáo Trần Văn V đã nộp khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ tại Biên lai thu tiền số 0001800 ngày 10/10/2019; bị cáo Trần Văn T đã nộp khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ tại Biên lai thu tiền số 0001835 ngày 17/10/2019; bị cáo Trần Văn Q đã nộp khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ tại Biên lai thu tiền số 0001797 ngày 10/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Về án phí: Các bị cáo Trần Văn V, Trần Văn T, Trần Văn Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (31/12/2019).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện S;
- VKSND huyện S;
- CQCSĐT Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Văn phòng – TAND tỉnh T.Quang;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Hùng